

Bản án số: 72/2023/HS-PT

Ngày: 15-6-2023

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Trần Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Nhật Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo Lê Thị Huỳnh N và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1997, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn B và bà Lê Thị Ngọc H; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Lê Thị Ngọc N1, tên gọi khác: N2, sinh năm 1990, tại tỉnh Long An; Nơi ĐKNKTT: Số H đường B, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số C, ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H2; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/7/2016, bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép, số tiền 2.000.000 đồng, đã chấp hành xong vào ngày 01/8/2016; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Lê Thị Ngọc H3, tên gọi khác: D, sinh năm 1985, tại tỉnh Long An; Nơi ĐKNKTT: Số H, đường B, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số C, ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ

học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H2; Có chồng tên Nguyễn Văn L (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/7/2016, bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép, số tiền 2.000.000 đồng, đã chấp hành xong vào ngày 01/8/2016; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Võ Thị L1, sinh năm 1959, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn B1 (đã chết) và bà Võ Thị L2 (đã chết); Có chồng tên Nguyễn Văn Ô và có 06 người con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1979; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03/6/2019, bị Công an xã T, huyện C, tỉnh Long An, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Huỳnh Ngọc V, sinh năm 1983, tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp E, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn S và bà Trần Kim C; Có chồng tên Nguyễn Văn T (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Phan Thị Mỹ H4, sinh năm 1989, tại tỉnh Long An; Nơi ĐKNKTT: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Long An; Nơi cư trú: ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị Xuân L3; Có chồng tên Nguyễn Minh H5 và có 02 người con, sinh năm 2006 và năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/10/2022, bị Công an huyện C, tỉnh Long An ra Quyết định khởi tố bị can về hành vi đánh bạc; Bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án khác từ ngày 26 tháng 10 năm 2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

- Bà Lê Kim D2, Luật sư Văn phòng L8, thuộc Đoàn luật sư tỉnh L, bào chữa cho các bị cáo Lê Thị Huỳnh N, Lê Thị Ngọc N1, Lê Thị Ngọc H3. (có mặt)

- Ông Cao Thanh T1, Luật sư Văn phòng L9, thuộc Đoàn luật sư tỉnh L, bào chữa cho bị cáo Phan Thị Mỹ H4. (có mặt)

- *Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:*

- *Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:* Có 10 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị gồm: Văn Thành N3 (Sáu), Nguyễn Văn H6 (S), Trần Thị Mỹ L4 (K), Nguyễn Thị N4 (Bé), Lê Quốc T2, Nguyễn Thị C1, Lê Thị Hằng N5, Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Thị Hồng T4 (Gái), Nguyễn Ngọc C2 (Ú).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Văn Thành D3, Nguyễn Thị Bích T5, Nguyễn Thị M, Đào Thị O, Lê Thị Thu T6, Nguyễn Hồng Thanh Đ, Trần Thị Quới L5, Trần Thị T7, Văn Thành T8, Nguyễn Hồng M1, Nguyễn Văn H7, Nguyễn Thị H8, Nguyễn Thị Kim L6, Nguyễn Thị Q, Trần Thị Thanh T9, Trang Thị Mỹ L7, Nguyễn Văn T10, Nguyễn Thị M2, Văn Thị Đ1, Nguyễn Thành N6.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 15 phút, ngày 16/01/2021, Lê Thị Huỳnh N và Văn Thành N3 dùng nhà của N3 tổ chức đánh bạc bằng hình thức đánh bài 03 lá đếm nút (bài cào) được thua bằng tiền, mỗi tụ làm cái xoay vòng 03 bàn/01 lượt, nếu nhà cái thắng thì Như, N3 thu tiền xâu 100.000 đồng/01 lượt, thua thì không thu tiền xâu. Mỗi tụ đặt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng/01 bàn. Đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, còn lại 14 con bạc chia thành 02 chiếu bạc như sau:

Chiếu bạc thứ nhất có 11 người gồm: Nguyễn Văn H6, Lê Thị Ngọc N1, Lê Thị Ngọc H3, Trần Thị Mỹ L4, Nguyễn Thị N4, Lê Quốc T2, Võ Thị L1, Nguyễn Thị C1, Huỳnh Ngọc V, Lê Thị Hằng N5, Phan Thị Mỹ H4 cùng đánh bài cào 03 lá đếm nút. Mỗi tụ đặt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng/01 bàn. Đến lượt H6 làm cái, tiền của H6 để trên chiếu bạc là 3.500.000 đồng, các người đánh bạc đặt tiền ở ván này gồm: Nhung 500.000 đồng, L4 500.000 đồng, N4 500.000 đồng, H3 500.000 đồng, T2 500.000 đồng, L1 500.000 đồng, C1 300.000 đồng, V 300.000 đồng, N5 300.000 đồng, H4 200.000 đồng. Khi H6 đang chia bài, thì bị lực lượng Công an đến bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc 1.000.000 đồng tiền xâu mà Như chưa kịp lấy và 7.600.000 đồng tiền những người đánh bạc đã đặt cho ván bạc này được những người đánh bạc kịp cất giấu vào người. Tiến hành thu trên người của 11 người này với số tiền 204.100.000 đồng (Hóa 7.900.000 đồng, N1 118.200.000 đồng, T2 10.800.000 đồng, V 800.000 đồng, C1 2.900.000 đồng, H3 6.400.000 đồng, L1 14.500.000 đồng, H4 24.800.000 đồng, N4 5.900.000 đồng, L4 11.900.000 đồng). Qua điều tra xác định những người trên chiếu này sử dụng vào việc đánh bạc là 53.700.000 đồng (Hóa 7.900.000 đồng, N1 3.200.000 đồng, N5 3.500.000 đồng, T2 10.800.000 đồng, V 800.000 đồng, C1 800.000 đồng, L1 500.000 đồng, H3 6.400.000 đồng, H4 2.000.000 đồng, N4 5.900.000 đồng, L4 11.900.000 đồng).

Chiếu bạc thứ 2 khi phát hiện chỉ còn 03 người gồm: Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Thị Hồng T4, Nguyễn Ngọc C2, cũng đánh bài cào 03 lá đếm nút. Đến lượt T3 làm cái, tiền của T3 để trên chiếu bạc là 500.000 đồng, các người đánh bạc đặt tiền gồm: T4 đặt 300.000 đồng nhưng để tại tụ 01 tờ tiền 500.000 đồng, C2 400.000 đồng. Khi T3 đang gom bài chưa chia thì bị lực lượng Công an đến bắt giữ, lúc này trên chiếu bạc có 2.400.000 đồng (T4 500.000 đồng, C2 400.000 đồng và 1.500.000 đồng không rõ chủ sở hữu). Riêng số tiền Thùy đặt trên chiếu bạc T3 đã lấy cất giấu. Sau đó tiếp tục thu giữ 17.900.000 đồng (Thùy 4.000.000

đồng, T4 13.800.000 đồng, C2 100.000 đồng). Tổng số tiền thu được tại chiếu thứ hai là 20.300.000 đồng, trong đó đã xác định số tiền các con bạc dùng để đánh bạc là 6.500.000 đồng (Thù 4.000.000 đồng, T4 2.000.000 đồng, C2 500.000 đồng). Chiếu bạc này N và N3 chưa thu được tiền xâu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố:

Bị cáo Lê Thị Huỳnh N, Văn Thành N3 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Bị cáo Nguyễn Văn H6, Lê Thị Ngọc N1, Lê Thị Ngọc H3, Trần Thị Mỹ L4, Nguyễn Thị N4, Lê Quốc T2, Võ Thị L1, Nguyễn Thị C1, Huỳnh Ngọc V, Lê Thị Hằng N5, Phan Thị Mỹ H4, Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Thị Hồng T4, Nguyễn Ngọc C2 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Huỳnh N 02 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Phạt bổ sung: 30.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Văn T11 Nhon 02 tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/01/2023). Phạt bổ sung: 20.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị C1, Lê Thị Hằng N5, Nguyễn Thị N4, Huỳnh Ngọc V, Lê Quốc T2 mỗi bị cáo 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09.01.2023).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Võ Thị L1, Trần Thị Mỹ L4, Phan Thị Mỹ H4, Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1 mỗi bị cáo 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1 mỗi bị cáo 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H6 90.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T3 số tiền 30.000.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng T4 số tiền 25.000.000 đồng; Nguyễn Ngọc C2 số tiền 20.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

- Ngày 11/01/2023, bị cáo Phan Thị Mỹ H4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 16/01/2023, bị cáo Võ Thị L1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, hoặc áp dụng hình phạt khác nhẹ hơn hình phạt tù.

- Ngày 17/01/2023, bị cáo Huỳnh Ngọc V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt từ 03 năm tù cho hưởng án treo thành 01 năm tù cho hưởng án treo.

- Ngày 17/01/2023, các bị cáo Trần Thị Mỹ L4, Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1, Lê Thị Huỳnh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 13 tháng 3 năm 2023, bị cáo Trần Thị Mỹ L4 đã có văn bản về việc rút toàn bộ kháng cáo. Ngày 16 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Thị Mỹ L4.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Lê Thị Huỳnh N thừa nhận thực hiện hành vi đúng như nội dung án sơ thẩm và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tổ chức đánh bạc” là đúng, không oan. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Các bị cáo Võ Thị L1, Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1, Huỳnh Ngọc V, Phan Thị Mỹ H4 thừa nhận thực hiện hành vi đúng như nội dung án sơ thẩm và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” là đúng, không oan. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, hoặc chuyển sang hình phạt nhẹ hơn.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Huỳnh N, Võ Thị L1, Phan Thị Mỹ H4, Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1 và Huỳnh Ngọc V trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi của bị cáo Lê Thị Huỳnh N đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự do đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo có theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Thị Huỳnh

N 02 năm 09 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Hành vi của các bị cáo Võ Thị L1, Phan Thị Mỹ H4, Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1 đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, do đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo có theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt mỗi bị cáo 03 năm tù là có căn cứ, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

Hành vi của bị cáo Huỳnh Ngọc V đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, do đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo có theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo là có căn cứ, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét kháng cáo của các bị cáo: Các bị cáo Lê Thị Huỳnh N, Võ Thị L1, Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn hình phạt tù. Bị cáo Phan Thị Mỹ H4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Huỳnh Ngọc V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt từ 03 năm tù cho hưởng án treo thành 01 năm tù cho hưởng án treo.

Bị cáo Lê Thị Huỳnh N kháng cáo có cung cấp đơn bảo lãnh của chú và thím cho bị cáo hưởng án treo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung 30.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm, đây là các tình tiết mới mà cấp sơ thẩm chưa xem xét. Tuy nhiên, bị cáo N là người chủ mưu, cung cấp phương tiện phạm tội, ngoài ra, bị cáo tổ chức cho 02 chiếc bạc trong đó có 01 chiếc bạc qua xác điều tra xác định số tiền dùng vào việc đánh bạc là 53.700.000 đồng. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Lê Thị Ngọc N1 kháng cáo có cung cấp mẹ bị bệnh nặng, có bệnh án, cuộc sống của mẹ bị cáo phải nhờ vả bị cáo, có chị và mẹ xin bảo lãnh để chăm sóc mẹ bệnh, có nơi cư trú rõ ràng, nghề nghiệp ổn định, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Cho nên có căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo, bị cáo tình cờ đi tìm chị ruột thấy đánh bạc nên tham gia không phải chủ động đi đánh bạc, đã nộp tiền hình phạt bổ sung, cho nên có căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo. Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, có đủ điều kiện cho hưởng án treo vì số tiền đánh bạc của từng bị cáo không lớn.

Bị cáo Lê Thị Ngọc H3 kháng cáo xin phạt tiền hoặc hưởng án treo có cung cấp ly hôn chồng, đang nuôi con còn nhỏ, mẹ bị bệnh nặng, có chị ruột và mẹ xin bảo lãnh để chăm sóc mẹ bệnh, có nơi cư trú rõ ràng, nghề nghiệp ổn

định, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, đã nộp tiền hình phạt bổ sung, cho nên có căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo. Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đủ điều kiện cho bị cáo hưởng án treo vì số tiền đánh bạc của từng bị cáo không lớn.

Bị cáo Võ Thị L1 theo Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo lớn tuổi, nhiều bệnh tật của người già, khi kháng cáo bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới là đang nằm viện điều trị bệnh tiểu đường tuýp 2, cao huyết áp, mỡ máu, mặt khác bị cáo tham gia với số tiền không lớn, nên có căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo, căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xét thấy bị cáo đủ điều kiện cho hưởng án treo.

Bị cáo Phan Thị Mỹ H4 kháng cáo cho rằng hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên xin giảm nhẹ hình phạt, xét thấy trong quá trình điều tra bị cáo được cho tại ngoại điều tra thì ngày 26 tháng 10 năm 2022 bị Công an huyện C ra Quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam từ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về hành vi đánh bạc. Điều này thể hiện bị cáo là người ngoan cố có thái độ xem thường pháp luật, đã cố ý phạm tội, trong quá trình tại ngoại điều tra lại cố ý phạm tội mà lại phạm tội cùng một tội danh, cho nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Huỳnh Ngọc V bị xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo thời hạn thử thách 05 năm, bị cáo kháng cáo xin giảm án treo xuống còn 01 năm tù treo. Bị cáo phạm tội quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm tù, qua xem xét hành vi, tính chất mức độ, cũng như nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo là phù hợp, cho nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo.

Từ những phân tích trên Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Huỳnh N, Phan Thị Mỹ H4, Huỳnh Ngọc V giữ y bản án sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Ngọc N1, Lê Thị Ngọc H3, Võ Thị L1 theo hướng giữ y hình phạt cho các bị cáo hưởng án treo.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Luật sư Lê Kim D2 bào chữa cho bị cáo Lê Thị Huỳnh N tranh luận: Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo vì cha mẹ ly hôn khi bị

cáo còn nhỏ, bị cáo phải sống với chú ruột, không được học hành tới nơi tới chốn, sự hiểu biết xã hội cũng như hiểu biết về pháp luật hạn chế là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo N và N3 là đồng phạm giản đơn chỉ mang tính nhất thời chứ không phải dạng có tổ chức, không có sự phân công, phân nhiệm hay câu kết chặt chẽ; Bản thân bị cáo xuất phát từ thành phần lao động chứ không phải người phạm tội chuyên nghiệp hay tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Bị cáo N có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo có nghề nghiệp, có tài sản và thu nhập ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo được chú và thím làm đơn bảo lãnh cho bị cáo hưởng án treo (có xác nhận của chính quyền địa phương), bị cáo đã nộp phạt theo quyết định của bản án sơ thẩm. Bị cáo N đủ điều kiện hưởng án treo do đó kính xin Hội đồng xét xử xem xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo để bị cáo có điều kiện phụ giúp gia đình.

Luật sư Lê Kim D2 bào chữa cho bị cáo Lê Thị Ngọc H3 tranh luận:
Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân phạm tội của bị cáo chỉ mang tính nhất thời, không chuyên nghiệp. Bị cáo kháng cáo có cung cấp tình tiết hoàn cảnh khó khăn, nuôi con nhỏ, có mẹ đã lớn tuổi bảo lãnh, bị cáo đã nộp phạt theo quyết định của bản án sơ thẩm, bị cáo tham gia đóng góp hoạt động từ thiện tại địa phương được UBND xã T, huyện C ghi nhận, bị cáo phạm tội với vai trò không đáng kể, số tiền bỏ ra đánh bạc không lớn, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Luật sư Lê Kim D2 bào chữa cho bị cáo Lê Thị Ngọc N1 tranh luận:
Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân phạm tội của bị cáo chỉ mang tính nhất thời, không chuyên nghiệp. Ngày bị cáo bị bắt phạm tội quả tang do bị cáo đi tìm bị cáo H3 chứ bị cáo không có mục đích tham gia đánh bạc. Bị cáo tham gia số tiền đánh bạc không lớn. Bị cáo kháng cáo có cung cấp bản thân là lao động chính trong gia đình, có mẹ và chị bảo lãnh, bị cáo đã nộp phạt theo quyết định của bản án sơ thẩm, bị cáo tham gia đóng góp hoạt động từ thiện tại địa phương được UBND xã T, huyện C ghi nhận, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Luật sư Cao Thanh T1 bào chữa cho bị cáo Phan Thị Mỹ H4 tranh luận:
Luật sư thống nhất tội danh và hình phạt mà cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử cá thể hóa hình phạt, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đã ly hôn chồng, nuôi con nhỏ, bản thân bị cáo bị bệnh, bị cáo không am hiểu về pháp luật, việc áp dụng hình phạt tù không mang

tính giáo dục mà còn làm xấu đi tình trạng của bị cáo, do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo lo cho mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Lê Thị Huỳnh N, Võ Thị L1, Phan Thị Mỹ H4, Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1 và Huỳnh Ngọc V kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định nên Tòa án nhân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 13 giờ 15 phút, ngày 16/01/2021, Lê Thị Huỳnh N đứng ra rủ rê, lôi kéo các con bạc đến nhà của Văn Thành N3 (N3 cho mượn nhà) tổ chức 02 chiếu bạc, cho trên 10 người tham gia chơi đánh bài cào 03 lá ăn thua bằng tiền tại nhà N3 ở ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Long An để thu tiền xâu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Cơ quan chức năng phát hiện bắt quả tang 14 con bạc đang sát phạt nhau tại 02 chiếu bạc. Cụ thể:

Chiếu bạc thứ nhất: Do H6 làm cái, tiền của H6 để trên chiếu bạc dùng đánh bạc là 3.500.000 đồng, N1 500.000 đồng, L4 500.000 đồng, N4 500.000 đồng, H3 500.000 đồng, T2 500.000 đồng, L1 500.000 đồng, C1 300.000 đồng, V 300.000 đồng, N5 300.000 đồng, H4 200.000 đồng; tổng cộng là 7.600.000 đồng. Qua điều tra xác định số tiền những người trên chiếu này sử dụng vào việc đánh bạc là 53.700.000 đồng.

Chiếu bạc thứ 2: Thù làm cái, tiền của T3 để trên chiếu bạc là 500.000 đồng, những người đánh bạc đặt tiền gồm: T4 đặt 300.000 đồng nhưng để tại tụ 01 tờ tiền 500.000 đồng, C2 400.000 đồng, và 1.500.000 đồng không rõ chủ sở hữu, thu giữ trên chiếu bạc 2.400.000 đồng. Qua điều tra xác định số tiền những người trên chiếu này sử dụng vào việc đánh bạc là 6.500.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Thị Huỳnh N đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Điều 322 của Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo N tổ chức cho người khác đánh bạc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết định tội theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót.

Hành vi của các bị cáo Võ Thị L1, Phan Thị Mỹ H4, Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1 và Huỳnh Ngọc V đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ

thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[4] Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo N không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, mức độ sát phạt nhau vào ván bạc khi bị bắt quả tang không lớn và tự khai ra số tiền trong người sẽ sử dụng vào việc đánh bạc của từng bị cáo; sự hiểu biết pháp luật về tội đánh bạc còn hạn chế (không phải do lạc hậu và tự thú như lời bào chữa của Luật sư); các bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền mà các bị cáo khai nhận sẽ sử dụng vào việc đánh bạc và tiền thu lợi bất chính; Bản thân và gia đình bị cáo N1, H3 và bị cáo N1 có tham gia đóng góp từ thiện cho địa phương (ủng hộ người nghèo, ủng hộ phòng chống dịch Covid 19); Bị cáo V có mẹ là thương binh; Bị cáo L1 lớn tuổi, bị nhiều bệnh lý tuổi già; Bị cáo H4 có mẹ lớn tuổi, bị bệnh, hoàn cảnh khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Thị Huỳnh N 02 năm 09 tháng tù, các bị cáo Võ Thị L1, Phan Thị Mỹ H4, Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1 mỗi bị cáo 03 năm tù, bị cáo Huỳnh Ngọc V 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo là đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Bị cáo Lê Thị Huỳnh N kháng cáo có cung cấp đơn bảo lãnh của chú và thím cho bị cáo hưởng án treo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng có xác nhận của chính quyền địa phương, đã nộp tiền phạt bổ sung 30.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên cần xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, xét thấy bị cáo là người khởi xướng, rủ rê, cung cấp công cụ phạm tội, bị cáo tổ chức cho 02 chiếu bạc, trong đó có 01 chiếu bạc với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 53.700.000 đồng nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Bị cáo Lê Thị Ngọc H3 kháng cáo có bổ sung tình tiết bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung 15.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm, đơn xin bảo lãnh của chị và mẹ cho bị cáo hưởng án treo, bị cáo là lao động chính nuôi mẹ già bị bệnh, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo đã ly hôn chồng và đang nuôi con nhỏ, gia đình có đóng góp hoạt động từ thiện tại địa phương được UBND xã ghi nhận là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên xem xét cho bị cáo.

Bị cáo Lê Thị Ngọc N1 kháng cáo có bổ sung tình tiết bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung 15.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm, đơn xin bảo lãnh của chị và mẹ cho bị cáo hưởng án treo, bị cáo là lao động chính tạo thu nhập cho gia đình, có nghề nghiệp ổn định, bản thân bị cáo và gia đình có đóng

góp hoạt động từ thiện tại địa phương được UBND xã ghi nhận là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên xem xét cho bị cáo.

Nhận thấy, các bị cáo Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1 phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có tiền án, tiền sự, các bị cáo cùng gia đình có nhiều đóng góp cho hoạt động từ thiện của địa phương như ủng hộ người nghèo, ủng hộ địa phương chống dịch Covid-19 được UBND xã ghi nhận, các bị cáo là người trực tiếp nuôi mẹ là bà Nguyễn Thị H2 bị bệnh tiểu đường tuýp 2 đã biến chứng, các bị cáo tự khai ra số tiền dự định sử dụng vào việc đánh bạc, các bị cáo được chị và mẹ bảo lãnh, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, có nghề nghiệp ổn định, riêng bị cáo H3 đã ly hôn và đang nuôi con nhỏ, xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; có nghề nghiệp ổn định nên có đủ điều kiện cho các bị cáo hưởng án treo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H3 và N1, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bị cáo Võ Thị L1 kháng cáo có cung cấp bị cáo đã nộp tiền 1.500.000 đồng theo quyết định xử phạt số 119/QĐ-XPHC, bị cáo bị bệnh tiểu đường tuýp 2, cao huyết áp, gan nhiễm mỡ, tăng lipid máu,... là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên xem xét cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo L1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân lớn tuổi, thường xuyên bị bệnh, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 500.000 đồng, xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng nên có đủ điều kiện cho bị cáo hưởng án treo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bị cáo Phan Thị Mỹ H4 kháng cáo có cung cấp bản thân bị cáo bị bệnh tuy nhiên, trong quá trình điều tra vụ án bị cáo lại tiếp tục có hành vi đánh bạc và bị Công an huyện C quyết định khởi tố bị can và tạm giam để điều tra, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Huỳnh Ngọc V kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào khác ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo, bị cáo phạm tội với tình tiết định khung theo quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo là đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Huỳnh N, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Ngọc H3,

Lê Thị Ngọc N1, Võ Thị L1, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Thị Mỹ H4, Huỳnh Ngọc V, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

[6] Về án phí: Các bị cáo Lê Thị Huỳnh N, Võ Thị L1, Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, các bị cáo Phan Thị Mỹ H4, Huỳnh Ngọc V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Huỳnh N; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thị L1, Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Thị Mỹ H4 và Huỳnh Ngọc V; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Huỳnh N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Lê Thị Ngọc N1, Lê Thị Ngọc H3, Võ Thị L1, Huỳnh Ngọc V, Phan Thị Mỹ H4 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Huỳnh N **02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Huỳnh N 30.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000249 ngày 04/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo Lê Thị Huỳnh N.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Mỹ H4 **03 (ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị L1 **03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 15 tháng 6 năm 2023.

Giao bị cáo Võ Thị L1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Ngọc H3 **03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 15 tháng 6 năm 2023.

Giao bị cáo Lê Thị Ngọc H3 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Ngọc H3 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 15.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000251 ngày 04/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo Lê Thị Ngọc H3.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Ngọc N1 **03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 15 tháng 6 năm 2023.

Giao bị cáo Lê Thị Ngọc N1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Ngọc N1 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 15.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000250 ngày 04/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo Lê Thị Ngọc N1.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Ngọc V **03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 09 tháng 01 năm 2023.

Giao bị cáo Huỳnh Ngọc V cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Lê Thị Huỳnh N, Võ Thị L1, Lê Thị Ngọc H3, Lê Thị Ngọc N1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Các bị cáo Phan Thị Mỹ H4 và Huỳnh Ngọc V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQĐT Công an huyện;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Ngọc Thành